

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2018/HC-ST**
Ngày 07 tháng 6 năm 2018
Về việc “*Kiện QĐHC trong lĩnh
vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thị Thu Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Liên, Ông KPã Y Khoa

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Việt Tiệp. Chức vụ: Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số 77/2017/TLST-HC ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc kiện “Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/QĐXXST-HC ngày 06/4/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2018/QĐST-HC ngày 07/5/2018 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Bùi Hoàng L.

Địa chỉ: Số 64, khối 5, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích H2 pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Tiến T – Văn phòng luật sư Bách Khoa, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số 306 Nguyễn Tất T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, số 09 L D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn C – chức vụ: Phó chủ tịch UBND tỉnh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Ủy ban nhân dân huyện E, số 09 Trần Hưng Đ, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình Ch – chức vụ: Phó chủ tịch

UBND huyện. Văn bản ủy quyền ngày 23/10/2017 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Hữu T; địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường Nghĩa Phú, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt).

2. Bà Phạm Thị H1; địa chỉ: Thôn 3, xã Cư Ni, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

3. Bà Phạm Thị H2; địa chỉ: Thôn 3, xã Cư Ni, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1 và bà H2: Ông Mai Văn Tr; địa chỉ: K307/2 Phan Chu Tr, tổ 47, phường P, quận H C, thành phố Đà Nẵng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2017, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 26/9/2017, và quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Bùi Hoàng L trình bày:

Năm 1985, ông L nhận sang nhượng của ông Nguyễn Xuân Q 01 lô đất ở. Đến năm 1992, ông L được UBND thị trấn E xác nhận việc chuyển nhượng. Năm 1986, vợ chồng ông V, bà T cho vợ chồng ông H, bà L 01 lô đất rộng 5m, phía sau rộng 8m giáp đất ông L, ranh giới có hàng muồng. Khi làm nhà, ông H có lấn sang đất ông L 5m mặt đường (diện tích = $40m^2$) và nói khi nào làm nhà xây sẽ trả lại đất cho ông L. Đến năm 1986, ông H bán nhà cho ông T (chỉ bán nhà không bán đất). Nhưng ông T không trả đất cho ông L mà còn chặt hàng muồng lấn tiếp sang đất ông L 1,3m đất mặt đường, phía sau lấn 1,5m, ở giữa 5m. Tổng diện tích đất ông T lấn chiếm là $40m^2 + 120m^2 = 160m^2$. Ông L đã làm đơn khiếu nại đề nghị giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất.

Tháng 12/2003, ông T chuyển nhượng đất tranh chấp cho bà H1 và bà H2. Ngày 11/12/2009, Chủ tịch UBND huyện E ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1331/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông L. Ông L tiếp tục khiếu nại, ngày 16/9/2010, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết số 2369/QĐ-UBND tiếp tục bác đơn khiếu nại của ông L. Ngày 05/4/2012, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 742/QĐ-UBND công nhận nội dung khiếu nại của ông L. Ngày 08/10/2012, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2298/QĐ-UBND, điều chỉnh bổ sung Quyết định 742/QĐ-UBND với nội dung: trả cho ông L 50% diện tích ông T lấn chiếm.

Bà H1 và bà H2 khởi kiện đối với Quyết định số 742/QĐ-UBND và Quyết định số 2298/QĐ-UBND. Tại bản án Hành chính phúc thẩm số 22/2013/HC-PT ngày 21/5/2013 của Tòa phúc thẩm TANDTC đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H1, bà H2. Tuyên hủy quyết định số 742/QĐ-UBND (đã được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 2298/QĐ-UBND)

Ông L tiếp tục khiếu nại đề nghị UBND tỉnh xem xét lại quyết định số 2369/QĐ-UBND. Đến ngày 29/9/2016, UBND tỉnh có công văn hướng dẫn ông L khởi kiện đối với Quyết định 2369/QĐ-UBND.

Ông L đề nghị Tòa án giải quyết tuyên hủy quyết định số 1331/QĐ-UBND, quyết định số 2369/QĐ-UBND và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Ngày 15/4/2018, ông L làm đơn xin rút phần yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có văn bản trình bày:

1/ Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E:

Việc Chủ tịch UBND huyện E ban hành Quyết định số 1331/QĐ- UBND, ngày 11/12/2009 về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Bùi Hoàng L, cư trú tại khối 5, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk là đúng trình tự, thủ tục, đúng theo quy định tại khoản 2, Điều 136 Luật đất đai năm 2003 và các văn bản pháp luật có liên quan, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.

Vì trên thực tế qua kiểm tra giữa nguồn gốc đất và thực địa đất của hộ ông L đang sử dụng là 16,5m mặt đường Quốc lộ 26 (đã trừ lộ giới 18m) thừa 4,5m mặt đường quốc lộ 26 (đã trừ lộ giới) vì ông Q (là người sang nhượng đất cho ông L) chỉ công nhận sang nhượng cho ông L 12m mặt đường Quốc lộ 26 và không có ao, như vậy ông L không thiếu đất. Việc ông L cho rằng ranh giới đất giữa hộ ông L và hộ ông T là hàng muông, nhưng trên thực tế hàng muông không còn nữa mà đã bị chặt phá cách đây hơn 10 năm, hiện nay mốc giới giữa hai gia đình đã được xây tường rào kiên cố (cũng đã hơn 10 năm) và sử dụng ổn định. Trong giấy xin xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của ông L năm 1992, kèm theo sơ đồ do ông L vẽ số liệu đã tẩy sửa nên không có giá trị pháp lý và không phù hợp với thực tế.

Mặt khác, tại bản án phúc thẩm số 22/2013/HC-PT, ngày 21/5/2013 của Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng đã tuyên hủy Quyết định số 742/QĐ-UBND, ngày 05/4/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk (đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 2289/QĐ- UBND), và Tại bản án hành chính sơ thẩm số 30/2017/HC-ST ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ H1, bà Phạm Thị H2, tuyên bố hành vi hành chính không cấp GCNQSD đất cho bà H1, bà H2 của UBND huyện E là trái pháp luật. Buộc UBND huyện E phải thực hiện việc cấp GCNQSD đất cho bà Phạm Thị Mỹ H1, bà Phạm Thị H2 theo đúng quy định của pháp luật.

Theo các bản án trên của Tòa án nhân dân các cấp, Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 11/12/2009 của Chủ tịch UBND huyện E và Quyết định số 2369/QĐ-UBND, ngày 16/9/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk là đúng quy định của pháp luật và đã có hiệu lực pháp luật.

Việc ông Bùi Hoàng L khởi kiện yêu cầu Chủ tịch UBND huyện E: Hủy quyết định hành chính số 1331/QĐ-UBND, ngày 11/12/2009 là không có cơ sở.

2/ Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

Việc ban hành Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 16/9/2010 đảm bảo khách quan và đúng quy định của pháp luật.

+ *Thứ nhất:* Việc ông L cho rằng ranh giới giữa hộ ông L và hộ ông T là hàng muông nhưng qua kiểm tra thực tế hàng muông không còn nữa mà đã bị chặt phá cách đây hơn 10 năm và hai bên đã xây tường rào kiên cố. Vì năm 1996 giữa hộ ông L và hộ ông T có mâu thuẫn và xảy ra tranh chấp, Ban tự quản khối đã hoà giải hai bên gia đình và hai bên đã đồng ý giữ nguyên ranh giới như từ trước và nói rõ hàng muông là của ông T, ông L chỉ được xây dựng cách hàng muông 20 cm, hai bên đã nhất trí và đồng ý với cách hoà giải của khối. Do đó, ông T đã chặt phá hàng muông và xây dựng tường rào kiên cố, phần tường rào phía dưới do ông L xây năm 1997 và phần tường rào phía trên do ông T xây năm 1996. Hai bên gia đình đã chấp nhận ranh giới và đã sử dụng ổn định với thời gian gần 10 năm.

+ *Thứ hai:* Theo Báo cáo của Tổ công tác số 1185 ngày 29/01/2016 (tổ công tác liên ngành của tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh thành lập), về kết quả kiểm tra, rà soát vụ tranh chấp đất đai của ông Bùi Hoàng L xác định:

Việc ông Bùi Hoàng L và ông Nguyễn Xuân Q làm đơn ngày 18/6/1992 xin chuyển tên đất thổ cư tại khối 5, thị trấn E có tổng diện tích là 1.194,2 m² (trong đó đất ở, đất vườn là 967,2 m² và đất ao là 227m²), phần đất thổ cư có kích thước, chiều rộng phía trên là 20m, chiều rộng phía dưới là 29,6m và chiều dài là 39m, đơn này đã được UBND thị trấn E xác nhận ngày 23/7/1992 là đúng với thực tế.

Năm 2012, khi tiến hành đo đạc lập bản đồ địa chính thị trấn E thì hiện trạng diện tích đất của ông Bùi Hoàng L đang sử dụng là thửa đất số 03, tờ bản đồ số 114, thị trấn E, diện tích 1.199,8m²; trong đó diện tích trong chỉ giới quy hoạch 167m² (không tính diện tích ao cá, trước đó đã giao trả lại cho ông Quý quản lý, sử dụng). Như vậy, diện tích đất ông Bùi Hoàng L đang sử dụng là 1.032,8m² (đã trừ 167m² đất nằm trong quy hoạch) so với diện tích đất sang nhượng của ông Nguyễn Xuân Quý ban đầu là 967,2m² thì ông L không bị thiếu đất

Việc Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 16/9/2010 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Bùi Hoàng L và ông Trần Hữu T là đúng quy định của pháp luật. Do đó, nội dung khởi kiện của ông Bùi Hoàng L, yêu cầu hủy Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 16/9/2010 là không có cơ sở, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xem xét, bác đơn khởi kiện của ông Bùi Hoàng L.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1/ Tại các văn bản gửi Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của bà H1, bà H2 trình bày: Việc Tòa án thụ lý vụ án là không đúng vì thời hiệu khởi kiện đã hết, người khởi kiện không chứng minh được do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác, nên phải đình chỉ giải quyết vụ án; Ông L nhận chuyển

nhượng quyền sử dụng đất thông qua giao dịch dân sự với ông Nguyễn Xuân Q vào ngày 18/6/1992. Thửa đất này có nguồn gốc do UBND xã E giao cho ông Q làm nhà ở vào ngày 03/10/1985, đã làm nhà kiên cố, sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993 nên thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án, không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND hai cấp.

2/ Trong văn bản gửi Tòa án, ông Trần Hữu T trình bày: Yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hoàng L là không đúng. Do tuổi cao sức yếu nên ông không tham dự được.

Tại phiên tòa, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày ý kiến:

-Về thời hiệu khởi kiện: Sau khi bản án Hành chính phúc thẩm số 22/2013/HC-PT ngày 21/5/2013 của Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng tuyên hủy quyết định số 742, ông L tiếp tục khiếu nại đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét hủy bỏ quyết định số 2369 là khiếu nại đúng quy định tại Điều 20 Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ và Điều 11 Thông tư số 07/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ, nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

-Về nội dung: Quyết định số 1331 và Quyết định số 2369 đã bỏ sót một số tình tiết quan trọng làm thay đổi bản chất, nội dung vụ việc, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L. Vì vậy, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành quyết định số 742 thay thế quyết định số 2369. Quyết định 742 bị Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng hủy do vi phạm trình tự thủ tục, không xem xét nội dung, bản chất vụ việc. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

-Về nội dung: Ngày 11/12/2009, Chủ tịch UBND huyện E ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1331/QĐ-UBND với nội dung không công nhận nội dung đơn kiến nghị của ông L. Ông L khiếu nại đối với Quyết định số 1331. Ngày 16/9/2010, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định số 2369/QĐ-UBND có nội dung bác đơn khiếu nại của ông L. Ngày 05/4/2012, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 742/QĐ-UBND thay thế quyết định số 2369, công nhận nội dung khiếu nại của ông L. Ngày 08/10/2012, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2298/QĐ-UBND, điều chỉnh bổ sung Quyết định 742/QĐ-UBND với nội dung: trả cho ông L 50% diện tích

ông T lấn chiếm. Bà H1 và bà H2 khởi kiện đối với Quyết định số 742/QĐ-UBND. Tại bản án Hành chính phúc thẩm số 22/2013/HC-PT ngày 21/5/2013 của Tòa phúc thẩm TANDTC đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H1, bà H2. TUYÊN HỦY quyết định số 742/QĐ-UBND (đã được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 2298/QĐ-UBND). Như vậy, thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 21/5/2013. Ngày 15/8/2017, ông L gửi đơn khởi kiện đến TAND tỉnh Đắk Lắk, yêu cầu hủy Quyết định số 1331 và Quyết định số 2369 là đã hết thời hiệu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Trần Hữu T có đơn trình bày vì lý do tuổi cao nên không tham gia; người đại diện theo ủy quyền của bà H1, bà H2 có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn tham gia phiên tòa, đến phần trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện thì bỏ về. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

Do có tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Trần Hữu T (diện tích đất này, cuối năm 2003 thì ông T chuyển nhượng cho bà H1 và bà H2), nên ông L làm đơn kiến nghị đề nghị giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất. Ngày 11/12/2009, Chủ tịch UBND huyện E ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1331/QĐ-UBND với nội dung không công nhận nội dung đơn kiến nghị của ông L về việc ông Trần Hữu T lấn chiếm đất của gia đình ông (Sau đây viết tắt là Quyết định số 1331). Ông L khiếu nại đối với Quyết định số 1331. Ngày 16/9/2010, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định số 2369/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai có nội dung bác đơn khiếu nại của ông L (Sau đây viết tắt là Quyết định 2369). Ông L tiếp tục khiếu nại đối với quyết số 2369. Ngày 05/4/2012, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 742/QĐ-UBND công nhận nội dung khiếu nại của ông L. Ngày 08/10/2012, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2298/QĐ-UBND, điều chỉnh bổ sung Quyết định 742/QĐ-UBND với nội dung: trả cho ông L 50% diện tích ông T lấn chiếm.

Bà H1 và bà H2 khởi kiện đối với Quyết định số 742/QĐ-UBND (Sau đây viết tắt là quyết định 742). Tại bản án Hành chính phúc thẩm số 22/2013/HC-PT ngày 21/5/2013 của Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng đã quyết định chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của bà H1, bà H2. Tuyên hủy quyết định số 742/QĐ-UBND (đã được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 2298/QĐ-UBND). Sau khi nhận được bản án hành chính phúc thẩm nêu trên, Ông L tiếp tục khiếu nại đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét lại quyết định số 2369. Đến ngày 29/9/2016, UBND tỉnh có công văn hướng dẫn ông L khởi kiện đối với Quyết định số 2369.

Trước khi TAND tỉnh Đắk Lắk xem xét, giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hoàng L, ngày 15/3/2017 bà H1 và bà H2 khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu UBND huyện E thực hiện hành vi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đã được giải quyết khiếu nại. Tại bản án hành chính sơ thẩm số 30/2017/HC-ST ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ H1, bà Phạm Thị H2, tuyên bố hành vi hành chính không cấp GCNQSD đất cho bà H1, bà H2 của UBND huyện E là trái pháp luật. Buộc UBND huyện E phải thực hiện việc cấp GCNQSD đất cho bà Phạm Thị Mỹ H1, bà Phạm Thị H2 theo đúng quy định của pháp luật. Đến thời điểm hiện nay, UBND huyện E chưa cấp GCNQSD đất cho bà H1, bà H2.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hoàng L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về thời hiệu khởi kiện:

Tại thời điểm ông Bùi Hoàng L khởi kiện vụ án hành chính thì Luật tố tụng hành chính năm 2015 có hiệu lực thi hành nên áp dụng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính quy định như sau:

“1. Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà cá nhân, cơ quan, tổ chức được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính bảo vệ quyền và lợi ích H2 pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.

2. Thời hiệu khởi kiện đối với từng trường hợp được quy định như sau:

a) 01 năm, kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc;

.....

4. Trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác làm cho người khởi kiện không khởi kiện được trong thời hạn quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này thì thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hiệu khởi kiện”

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Tại bản án Hành chính phúc thẩm số 22/2013/HC-PT ngày 21/5/2013 của Tòa phúc thẩm TANDTC đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H1, bà H2. Tuyên hủy quyết định số 742/QĐ-UBND (đã được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 2298/QĐ-UBND). Sau khi Quyết định 742/QĐ-UBND bị hủy, quyết định số 1331 và số 2369 đã xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bùi Hoàng L. Ông L

tiếp tục khiếu nại đối với Quyết định số 2369. UBND tỉnh vẫn chỉ đạo yêu cầu các cơ quan kiểm tra, xác minh để giải quyết dứt điểm vụ khiếu nại của ông Bùi Hoàng L. Cụ thể:

-Ngày 20/6/2013, UBND tỉnh ban hành Công văn 4037/UBND-NC, giao Chánh thanh tra tỉnh kiểm tra, xác minh, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết đơn của ông Bùi Hoàng L.

-Ngày 06/8/2013, UBND tỉnh ban hành Công văn 5387/UBND-NC, giao Chánh thanh tra tỉnh nghiên cứu, tập hợp các văn bản liên quan, dự thảo văn bản tham mưu UBND tỉnh báo cáo và xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ giải quyết dứt điểm vụ việc ông Bùi Hoàng L yêu cầu hủy Quyết định 2369.

-Ngày 19/11/2013, UBND tỉnh ban hành Thông báo số 274/TB-UBND về Kết luận của UBND tỉnh, trong đó có nội dung: UBND tỉnh đang kiểm tra, xem xét, có văn bản xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ để giải quyết vụ việc theo đơn của ông Bùi Hoàng L.

-Ngày 19/5/2015, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1185/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ công tác liên ngành để kiểm tra, rà soát lại vụ tranh chấp đất đai của ông Bùi Hoàng L.

-Ngày 12/8/2015, UBND tỉnh ban hành Thông báo số 188/TB-UBND về Kết luận của đồng chí Nguyễn Hải N – Phó chủ tịch UBND tỉnh, theo đó yêu cầu tổ công tác 1185 nghiêm túc thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh.

-Ngày 08/10/2015, UBND tỉnh ban hành Công văn 7403/UBND-NC yêu cầu Tổ công tác 1185 nghiêm túc triển khai thực hiện Quyết định 1185.

-Ngày 18/4/2017, UBND tỉnh ban hành Thông báo số 64/TB-UBND về Kết luận của đồng chí Võ Văn C – Phó chủ tịch UBND tỉnh. Theo đó, UBND tỉnh giao Thanh tra sở chủ trì, phối hợp Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh, UBND huyện E và các cơ quan, đơn vị có liên quan thành lập đoàn công tác liên ngành kiểm tra, xác minh lại vụ việc của ông Bùi Hoàng L, tham mưu UBND tỉnh giải quyết theo quy định của pháp luật.

-Ngày 30/5/2017, UBND tỉnh ban hành Công văn số 4100/UBND-NC yêu cầu Chánh thanh tra tỉnh nghiêm túc chấp hành ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 64/TB-UBND ngày 18/4/2017.

Ngoài ra còn rất nhiều Công văn, Thông báo Kết luận của UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, ban ngành chức năng tham mưu, giải quyết vụ việc khiếu nại của ông Bùi Hoàng L.

Việc UBND tỉnh vẫn tiếp tục chỉ đạo kiểm tra, xác minh lại nội dung khiếu nại như đã nêu trên, làm cho người khiếu nại hiểu rằng khiếu nại vẫn đang được giải quyết. Mặt khác, Quyết định giải quyết khiếu nại số 2369 không ghi nhận quyền khởi kiện vụ án quy định tại điểm i khoản 2 Điều 45 Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998 (sửa đổi bổ sung năm 2005) là thiếu sót nghiêm trọng, làm cho người

khieu nại không biết để thực hiện quyền khởi kiện vụ án hành chính. Căn cứ khoản 4 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, thời gian mà UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan kiểm tra, xác minh lại nội dung khiếu nại được coi là trở ngại khách quan khác làm cho chủ thể có quyền khởi kiện không thể khởi kiện trong phạm vi thời hiệu khởi kiện.

Ngày 29/9/2016, UBND tỉnh ban hành Công văn 7789/UBND-NC hướng dẫn ông Bùi Hoàng L khởi kiện. Do đó, thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính được tính từ ngày 29/9/2016. Ngày 15/8/2017, ông L gửi đơn khởi kiện đến TAND tỉnh Đắk Lắk, yêu cầu hủy Quyết định số 1331 và Quyết định số 2369 là vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[2.2] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1331 và Quyết định số 2369:

Sau khi ban hành quyết định 2369, ông Bùi Hoàng L tiếp tục khiếu nại nên Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk đã quyết định thành lập tổ công tác để xác minh lại căn cứ ban hành quyết định 2369. Trên cơ sở xác minh và đề nghị của Tổ công tác, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành quyết định 742 thay thế quyết định 2369. Sau khi bà H1, bà H2 khởi kiện đối với quyết định 742. Bản án hành chính phúc thẩm số 22/2013/HC-PT ngày 21/5/2013 của Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng hủy bỏ quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 05/4/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk với lý do: *Quyết định số 742 đã vi phạm khoản 5 Điều 32 Luật khiếu nại, tố cáo vì đã được giải quyết bằng quyết định 2369. Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 có hiệu lực thi hành, UBND tỉnh thụ lý giải quyết khiếu nại tiếp là không đúng.* Như vậy, Bản án hành chính phúc thẩm số 22/2013/HC-PT chỉ hủy quyết định số 742 do vi phạm về trình tự, thủ tục, không xem xét về nội dung tranh chấp. Do đó, tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các đương sự vẫn chưa được giải quyết triệt để.

Hồ sơ giải quyết tranh chấp do UBND huyện E cung cấp thể hiện, có Giấy nhượng quyền sử dụng đất, do ông Y W cho ông Trần Hữu T ngày 10/02/1986, được UBND thị trấn E xác nhận ngày 22/3/1995; Giấy xin đất làm nhà ở của ông Nguyễn Xuân Q viết ngày 01/8/1985, được UBND xã E xác nhận ngày 03/10/1985; Biên bản thỏa thuận sang bán nhà ở, do ông H bán cho ông T lập ngày 23/11/1986; Đơn xin chuyển nhượng đất thổ cư giữa ông Q và ông L lập ngày 21/6/1992, được UBND thị trấn E xác nhận ngày 22/7/1992; Giấy sang nhượng quyền sử dụng đất do ông T viết có nội dung: đất của ông T do ông Y W cho vào năm 1986, ngày 08/12/2003 bán lại cho bà H1, bà H2. Trên đất tranh chấp còn có ngôi nhà gỗ và hàng rào do ông T và ông L xây. Như vậy, tranh chấp quyền sử dụng đất của các bên đã có giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 136 Luật đất đai năm 2003, Điều 160 và Điều 162 Nghị định số

181/2004/NĐ-CP của Chính phủ. Việc Chủ tịch UBND huyện E và Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk giải quyết tranh chấp là không đúng thẩm quyền.

Mặt khác, trình tự, thủ tục ban hành quyết định giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất cũng có vi phạm, cụ thể:

Tại Khoản 2 Điều 135 Luật đất đai năm 2003 quy định: *“Tranh chấp đất đai mà các bên tranh chấp không hòa giải được thì gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm phối hợp với Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác để hòa giải tranh chấp đất đai”*.

Điều 159 Nghị định 181/2004/NĐ-CP quy định: *“Việc hòa giải phải được lập thành văn bản có chữ ký của các bên và có xác nhận hòa giải thành hoặc hòa giải không thành của UBND xã, phường, thị trấn”*.

Việc hòa giải tại UBND cấp xã nơi có đất tranh chấp là thủ tục bắt buộc khi giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất. Tranh chấp đất đai nhưng không được UBND thị trấn E tiến hành hòa giải với đầy đủ thành phần quy định là vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục. UBND huyện vẫn thụ lý giải quyết là không đúng quy định của pháp luật.

Điều 161 Nghị định 181/2004/NĐ-CP quy định:

“Việc giải quyết tranh chấp đất đai được thực hiện dựa theo các căn cứ sau:

1. Chứng cứ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất do các bên tranh chấp đưa ra

2. Ý kiến của hội đồng tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai của xã, phường, thị trấn do UBND xã, phường, thị trấn thành lập gồm có:

a) Chủ tịch hoặc phó chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn là chủ tịch hội đồng;

b) Đại diện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn;

c) Tổ trưởng tổ dân phố;

d) Đại diện một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó;

đ) Cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn.

3. Thực tế diện tích đất mà các bên tranh chấp đang sử dụng ngoài diện tích đất đang có tranh chấp và bình quân diện tích đất cho một nhân khẩu tại địa phương.

4. Sự phù hợp của hiện trạng sử dụng thửa đất đang có tranh chấp với quy hoạch sử dụng đất chi tiết đã được xét duyệt.

.....”

Trong quá trình xác minh giải quyết tranh chấp đất đai, Đoàn kiểm tra 19 được thành lập theo quyết định số 19/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện đã tiến hành xác minh đối với ông Nguyễn Xuân Q (người chuyển nhượng quyền sử

dụng đất cho ông L) và bà Nguyễn Thị T (là người cho vợ chồng ông H, bà L quyền sử dụng đất); Đoàn làm việc của Sở Tài nguyên và môi trường có tiến hành làm việc với bà Huỳnh Thị L (người được vợ chồng bà T cho đất, sau đó chuyển nhượng cho ông Trần Hữu T), bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Xuân Q, nhưng chưa tiến hành xác minh, làm việc đối với ông Trần Hữu T, bà H1, bà H2, là những người trực tiếp có liên quan đến tranh chấp và những người sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất tranh chấp; quá trình giải quyết tranh chấp đất đai, không có ý kiến của hội đồng tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai do UBND thị trấn thành lập là thiếu một trong các căn cứ nêu tại Điều 161 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hoàng L là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu hủy quyết định 1331 và quyết định 2369.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại, ông L đã rút yêu cầu khởi kiện đối với nội dung này nên cần đình chỉ giải quyết.

Đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2017/HC-ST ngày 24/8/2017 của TAND tỉnh Đắk Lắk. Hội đồng xét xử xét thấy: thời điểm ban hành bản án, quyết định số 1331 và quyết định số 2369 đang tiếp tục bị khiếu nại. Do quyết định 1331 và quyết định 2369 bị hủy để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nếu có yêu cầu của ông Bùi Hoàng L, đây là tình tiết mới nên cần chờ kết quả giải quyết tranh chấp đất đai lại giữa các đương sự mới có căn cứ xem xét lại bản án nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 4 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, khoản 1 Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 135, Điều 136 Luật đất đai năm 2003; Các Điều 159, 160, 161 và Điều 162 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hoàng L

1.1. Hủy quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 11/12/2009 của Chủ tịch UBND huyện E về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Bùi Hoàng L, và quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 16/9/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Bùi Hoàng L và ông Trần Hữu T.

1.2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk và Chủ tịch UBND huyện E bồi thường thiệt hại.

2. Về án phí:

Ông Bùi Hoàng L không phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm, được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001706 ngày 04/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk và Chủ tịch UBND huyện E mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính sơ thẩm.

3. Báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án Hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hương